

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 92/ORANA /2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty liên doanh Orana Việt Nam

Địa chỉ: Lô 3 (tên cũ là lô 3-5, khu F1), đường D4, khu A5, khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028. 37176310. Fax: 028. 37176311

E-mail: oranavn@orana.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0302675288

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Số cấp 1267/2019/BQLATTP-HCM. Ngày Cấp/Nơi cấp: 04.04.2019/ BQLATTP-HCM.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sinh tố bốn mùa Việt quất

2. Mã sản phẩm: 186763

3. Thành phần: Đường, Nước, Việt quất (20%), Chất ổn định (INS1442, INS440), Chất điều chỉnh độ acid (INS330), Chất bảo quản (INS202, INS211), Hương giống tự nhiên (Việt quất), Màu tổng hợp (Allura red AC (INS129), Ponceau 4R (INS124), Brilliant blue FCF (INS133)).

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng 10 tháng ở điều kiện 20-30°C kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất – hạn sử dụng in trên nhãn/ bao bì.

5. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: đóng gói với thể tích thực ở 20°C: 1 L/chai x 12 chai/thùng hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: sản phẩm đựng trực tiếp trong chai PET, bên ngoài là thùng carton.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty liên doanh Orana Việt Nam

- Địa chỉ: Lô 3 (tên cũ là lô 3-5, khu F1), đường D4, khu A5, khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn đính kèm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm



Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật/quy định an toàn thực phẩm:

4.1. Chỉ tiêu vi sinh vật theo QCVN 6-2:2010/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn).

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10 ²
2. Coliform	CFU/ml	10
3. E. Coli	CFU/ml	Không có
4. Streptococci faecal	CFU/ml	Không có
5. Pseudomonas aeruginosa	CFU/ml	Không có
6. Staphylococcus aureus	CFU/ml	Không có
7. Clostridium perfringens	CFU/ml	Không có
8. Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

4.2. Hàm lượng kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm).

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,05

4.3 Quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo QCVN 8-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm).

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Patulin	µg/kg	50

4.4 Quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo 50/2016/TT-BYT (Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



LÊ TRINH THẢO



257 mm



SINH TỐ BÓN MÙA
VIỆT QUẤT

**THÀNH PHẦN
INGREDIENTS**

Đường, Nước, Việt quất (20%), Chất ổn định (INS1442, INS440), Chất điều chỉnh độ acid (INS330), Chất bảo quản (INS202, INS211), Hương giống tự nhiên (Việt quất), Màu tổng hợp (Allura red AC (INS129), Ponceau 4R (INS124), Brilliant blue FCF (INS133)).

Sugar, Water, Blueberry (20%), Stabilizers (INS1442, INS440), Acidity regulator (INS330), Preservative (INS202, INS211), Nature identical flavours (Blueberry), Synthetic colours (Allura red AC (INS129), Ponceau 4R (INS124), Brilliant blue FCF (INS133)).

Mã số sản phẩm: 186763 - Xuất xứ: Việt Nam
Sản phẩm được sản xuất tại Công ty Liên Doanh Orana Việt Nam, Theo bản quyền của Osterberg International A/S, Đan Mạch.
Địa chỉ: Lô 3 (tên cũ là Lô 3 - 5, Khu F1), Đường D4, Khu A5, KCN Tân Thới Hiệp, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
ĐT: +84 28 3717 6310
Hotline: +84 933 777 400
Email: info@osterberg.vn - www.osterberg.vn

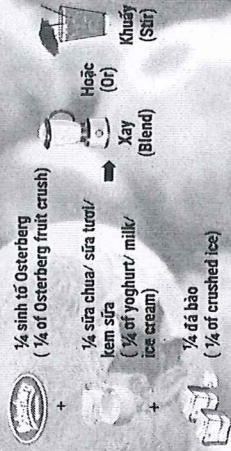
Thế tích thực
1L



119 mm

Sinh tố nhãn hiệu Osterberg giúp bạn thưởng thức được nhiều loại hương vị khác nhau nhưng vẫn tiết kiệm thời gian pha chế.

Hướng dẫn sử dụng:



Lắc đều trước khi sử dụng.
Theo cách riêng của bạn.

Hướng dẫn bảo quản: Nhiệt độ bảo quản 20°C - 30°C
Thông tin cảnh báo: Giữ lạnh sau khi mở nắp

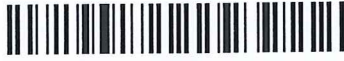
Cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng.



Ngày sản xuất:
Hạn sử dụng:

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2021-00039845
Mã số kết quả: AR-21-VD-042144-01-VI / EUVNHC-00134888



CÔNG TY LIÊN DOANH ORANA VIỆT NAM

Lô 3 (tên cũ là lô 3 - 5, khu F1), Đường D4
Khu A5, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp
Phường Hiệp Thành, Quận 12
TP. Hồ Chí Minh
Việt Nam

Tên mẫu: 186763 Sinh tố bốn mùa Việt quất _ Blueberry Fruit crush
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong hũ thủy tinh
Ngày nhận mẫu: 11/05/2021
Thời gian thử nghiệm: 12/05/2021 - 17/05/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 17/05/2021
Mã số PO của khách hàng: J8SF210511126



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD325 VD (a) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	cfu/g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD711 VD (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/g	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-3-TP-3744 (2021)) (Ref. ISO 16266:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD0G9 VD <i>Faecal Streptococci (enterococci)</i>	cfu/g	Ref TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD0GC VD <i>Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc</i>	cfu/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
10	VD071 VD (a) Patulin	µg/kg	Ref. AOAC 2000.02	Không phát hiện (LOD=5)
11	VD2TC VD (a) Fenhexamid	mg/kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Ly Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 18/05/2021

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

